

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thu Thùy Dung - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị Q, sinh năm 1995; nơi thường trú và cư trú: Thôn 4 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1995; nơi thường trú và cư trú: Thôn 4 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quàng Thị Q trình bày:

Chị và anh Trần Văn Tr kết hôn với nhau vào ngày 28/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr không tu chí làm ăn, sống hay ghen tuông, rượu chè thường xuyên. Gần đây anh Tr còn hay đánh đập, gây sự với chị. Kể từ đầu năm 2025 đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng chị trở nên trầm trọng, căng thẳng không thể hòa giải được nên anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến đời sống chung vợ chồng mặc dù sống dưới một mái

nhà. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Văn Tr để chị sớm ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn Tr trình bày:

Anh và chị Quàng Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tới thời điểm đầu năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là không cùng chung quan điểm sống, không hòa thuận trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong quá trình chung sống. Nay chị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh hoàn toàn đồng ý.

Về con: Chị Q và anh Tr xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thành Tr1, sinh ngày 08/9/2017 và cháu Trần Thị Diễm Q1, sinh ngày 10/3/2021. Hiện nay hai cháu đang ở với anh chị, cả 02 cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, chị Q đề nghị giao cả hai cháu cho chị nuôi dưỡng, nếu không được thì chị đề nghị giao cháu Trần Thành Tr1 cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con cho chị, còn anh Tr có quan điểm mong muốn được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con cho anh. Chị Q và anh Tr đều xác định anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2017 nhưng đến ngày 08/9/2017 chị Q sinh cháu Tr1. Anh chị đều xác định cháu Trần Thành Tr1 là con chung của vợ chồng.

Ngoài ra, chị Q và anh Tr đều xác định anh chị không có con riêng, con nuôi và hiện chị Q cũng không có thai sản gì.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2025 đối với cháu Trần Thành Tr1 thì cháu Tr1 có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị Q và anh Tr đều xác định không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q với anh Tr. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thành Tr1, sinh ngày 08/9/2017 cho chị Q nuôi dưỡng; Giao cháu Trần Thị Diễm Q1, sinh ngày 10/3/2021 cho anh Tr nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Quàng Thị Q xin ly hôn anh Trần Văn Tr, đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Tr có nơi thường trú và cư trú tại thôn 4 C, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị Q và anh Trần Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28/3/2017 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Q cho rằng anh Tr không tu chí làm ăn, sống hay ghen tuông, rượu chè thường xuyên đồng thời gần đây anh Tr còn hay đánh đập, gây sự với chị. Anh Tr xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh không cùng chung quan điểm sống, không hòa thuận trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong quá trình chung sống. Anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 đến nay, không còn quan tâm đến đời sống chung vợ chồng mặc dù sống chung dưới một mái nhà. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Q kiên quyết đề nghị ly hôn, anh Tr nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng, xét khả năng vợ chồng chị Q, anh Tr đoàn tụ là không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh Tr là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con: Chị Q, anh Tr xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Thành Tr1, sinh ngày 08/9/2017 và cháu Trần Thị Diễm Q1, sinh ngày 10/3/2021. Hiện nay hai cháu đang ở với anh chị, cả 02 cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, chị Q mong muốn đề nghị giao cả hai cháu cho chị nuôi dưỡng,

nếu không được thì chị đề nghị giao cháu Trần Thành Tr1 cho chị nuôi dưỡng vì chị cho rằng anh Tr yêu thương cháu Q1 hơn cháu Tr1 đồng thời chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con cho chị, còn anh Tr có quan điểm mong muốn được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con cho anh. Hội đồng xét xử thấy rằng, về khả năng chăm sóc, giáo dục con của anh, chị là ngang nhau. Hiện cháu Tr1 trên 07 tuổi, cháu Q1 trên 04 tuổi, quá trình Tòa án lấy lời khai, hỏi nguyện vọng của cháu Tr1, cháu Tr1 nói “Nếu bố mẹ cháu ly hôn không ở với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì ở với mẹ thì mẹ yêu thương và chăm sóc cháu hơn”. Xét thấy việc giao con cho bố, mẹ trực tiếp nuôi dưỡng ngoài điều kiện kinh tế còn phải căn cứ vào yếu tố tinh thần và nguyện vọng của các cháu. Vì vậy, nên giao cháu Tr1 cho chị Q nuôi dưỡng; giao cháu Q1 cho anh Tr nuôi dưỡng; anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là đảm bảo quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr1.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị Q, anh Tr đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Quàng Thị Q và anh Trần Văn Tr thuận tình ly hôn. Tuy nhiên anh Tr vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do nên chị Q, anh Tr; mỗi người phải chịu 50% mức án phí quy định. Chị Q xin chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Tr.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Quàng Thị Q và anh Trần Văn Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thành Tr1, sinh ngày 08/9/2017 cho chị Quàng Thị Q nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thị Diễm Q1, sinh ngày 10/3/2021 cho anh Trần Văn Tr nuôi dưỡng. Chị Q, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Q và anh Tr cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh chị trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thành Tr1 và cháu Trần Thị Diễm Q1.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Quàng Thị Q chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Trần Văn Tr. Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Q đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo Biên lai số 0000646 ngày 16/5/2025 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh, chị phải nộp (chị Q và anh Tr đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Quàng Thị Q và anh Trần Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Đông